

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

**TỔNG CÔNG TY
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
0300481551**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2023

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1: Tình hình kinh tế chung của cả nước phát triển nhưng cũng có nhiều thách thức đối với lĩnh vực cơ khí giao thông vận tải, Tổng Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, trong đó các chỉ tiêu tổng doanh thu, lợi nhuận và nộp ngân sách đều vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Doanh thu vượt 7%, lợi nhuận vượt 22% so với kế hoạch.

- Các khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

Giá nguyên vật liệu tăng, nguồn cung khan hiếm, nguồn lao động thiếu hụt tiếp tục tác động bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong Tổng Công ty.

Tình hình “xe dù – bến cóc” tiếp diễn ngày một nghiêm trọng ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động và hiệu quả của các đơn vị vận tải hành khách và bến bãi.

Việc ngân hàng hạn chế tín dụng nên chỉ tập trung cấp tín dụng vào một số lĩnh vực ưu tiên, lãi suất cho vay tiêu dùng và cho vay hoạt động sản xuất kinh doanh đều tăng cao đã làm giảm hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong những tháng cuối năm 2022.



BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm sản xuất chủ yếu				
1.1	BGP1E4-Ôtô khách TP 21 chỗ ngồi/19 chỗ đứng	Chiếc	60	14	
1.2	BGP3E4- Xe buýt ISUZU NPR75L 17CN/13CD	Chiếc		4	
1.3	BGP4E4- Ôtô khách TP 17 chỗ ngồi/13 chỗ đứng	Chiếc		32	
1.4	BGQ1E4-Ôtô khách 26 chỗ ngồi/21 chỗ đứng	Chiếc	30	5	
1.5	BGQ5E4-1 - Ôtô khách 19 chỗ ngồi/36 chỗ đứng	Chiếc	70	24	
1.6	KFA1 -Xe vip 34 giurong mẫu Hyundai	Chiếc	4	4	
1.7	KGP2E4 - Ôtô khách 29 chỗ ngồi Euro 4	Chiếc	24		
1.8	KGP3 - Ô tô khách SAMCO ALLERGO SI 29 chỗ ngồi	Chiếc		13	
1.9	KGQCE4 - Ô tô khách 29 chỗ	Chiếc	24	2	
1.10	KGQDE4 - Xe khách 34 chỗ ngồi Euro 4	Chiếc	12		
1.11	KGQE- Ôtô khách Samco - Felix CI KGQE 29 chỗ ngồi	Chiếc		37	
1.12	KGQF-Ôtô khách Samco - Felix CI KGQF 34 chỗ ngồi	Chiếc		3	
1.13	KGR1 -Xe khách 29 chỗ ngồi máy sau bầu hơi kiểu Selega	Chiếc		23	
1.14	KGR2 -Xe khách 34 chỗ ngồi máy sau bầu hơi kiểu Selega	Chiếc		2	
1.15	KGV8-Ô Tô khách 47 chỗ ngồi WENDA SI	Chiếc	10	25	
1.16	KSD4-Ô Tô khách Doosan 12m 47 chỗ ngồi	Chiếc	8		
1.17	Xe ép rác	Chiếc	30	35	
1.18	Xe hooklift, rơ mooc, xe đầu kéo	Chiếc	12	10	
1.19	Xe rửa đường tưới cây, chữa cháy	Chiếc	6	5	
1.20	Xe hút chất thải	Chiếc	3	1	
1.21	Xe hút bùn và xe thông cống, chơ bùn	Chiếc	6	4	
1.22	Xe chở xe	Chiếc	3	3	
1.23	Xe tải cầu	Chiếc		1	
1.24	Xe và thiết bị chuyên dùng khác	Chiếc	29	39	
1.25	Xe thang nâng	Chiếc	1		
1.26	Đầu ép rác	Bộ	5	2	
1.27	Cầu UNIC	Bộ			
1.28	Cầu FERARI	Bộ			

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	4.703	5.055	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	136	166	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	136	166	
5	Thuế và các khoản đã nộp nhà nước	Tỷ đồng		85	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	Tỷ đồng			
8	Tổng số lao động	Người	1.100	1.088	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	153,472	187,566	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	5,768	6,921	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	147,704	180,645	

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Tổng Công ty đang làm chủ đầu tư 03 dự án nhóm B (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công) như sau:

- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư cho dự án xây dựng Tuyến Metro số 1 Bến Thành – Suối Tiên tại Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An.

- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới tại Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An.

- Dự án Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới tại Phường Long Bình, Thành phố Thủ Đức.

Đối với công tác BTGPMB đã bàn giao 30/31 hộ dân (trên thực địa còn 01 trường hợp chưa đồng ý bàn giao mặt bằng là hộ Phạm Thị Mỹ Lan do còn khiếu nại).

Đồng thời Tổng Công ty đang thực hiện thủ tục Kiểm toán, Quyết toán dự án hoàn thành của 3 dự án trên.



BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
1	Dự án BTGPMB Tuyến Metro số 1 Bến Thành - Suối tiên	211,9			211,9	202,4	2012-2023
2	Dự án BT, GPMB phục vụ công trình BXMD mới P. Bình thắg, TX Dĩ An, Bình Dương	260,4			260,4	232,7	2012-2023
3	Dự án BT, GPMB phục vụ công trình Bến xe Miền Đông mới P. Long Bình, Quận 9	610,2			610,2	138,03	2012-2023

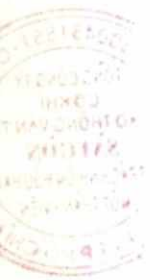
2. Các khoản đầu tư tài chính.

Các khoản đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2022: 1.328,1 tỷ đồng

- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31/12/2022: 0
- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2022: 1.328,1 tỷ đồng

Trong đó:

- + Đầu tư vào Công ty con: 464,9 tỷ đồng
- + Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết: 914,7 tỷ đồng
- + Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: (51,5) tỷ đồng



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NẮM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ *	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ										
1.1	Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	246,5	246,5	585,6	473,1	131,3	107,4	77,9	59,3	339,1
1.2	Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông	72,0	72,0	164,1	154,4	55,8	44,5	-	34,4	78,8
1.3	Công ty Xây dựng Giao thông Sài Gòn	26,7	23,1	4,9	7,6	(7,7)	(7,7)	-	4,5	373,5
2 Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ										
2.1	Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	5,0	3,8	9,8	117,6	0,2	0,1	0,6	2,0	1,2
2.2	Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn	50,0	25,5	91,0	44,2	16,3	12,9	3,1	6,6	8
2.3	Công ty CP Bến xe Miền Tây	25,0	12,8	217,6	105,4	47,8	38,1	2,6	12,8	7
2.4	Công ty CP Vận tải biển Sài Gòn	144,2	81,3	261,9	181,6	52,5	43,4	-	20,2	36,0

Ghi chú: (*) Lợi nhuận nộp về Công ty mẹ: Số cổ tức/lợi nhuận thực nhận trong năm 2022

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUỐC TOÀN